

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/KDTM-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2019/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2019/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty M

Địa chỉ trụ sở chính: Số 35 đường T, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phạm Quốc H – Chức danh: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trang Thụy Thanh X – Chức vụ: Đội phó Đội Quản lý thu ghi

(Văn bản ủy quyền số 2945/UQ-PCBC ngày 26/11/2019)

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V – Tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại L (Mã số doanh nghiệp: 0314638499)

Địa chỉ trụ sở chính: Số G5/10C đường G, ấp N, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Hồ Sơn K – Chức danh: Tổng Giám đốc

Chỗ ở hiện tại: Số 350/15 đường O, phường A, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2019 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/11/2017, Tổng công ty M – Công ty P có ký hợp đồng mua bán điện số 17/004303 (mã khách hàng: PE15000330273/19KA475-1 với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V – Tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại L (sau đây gọi tắt là công ty V) do ông Hồ Sơn K – Người đại diện theo pháp luật của công ty tại địa chỉ số Số G5/10C đường G, ấp N, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sử dụng điện từ ngày 26/9/2018 đến ngày 13/12/2018, công ty V không thanh toán tiền điện với số tiền là 6.818.693 đồng (Sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng), cụ thể như sau:

- Hóa đơn tiền điện tháng 10/2018: 3.956.920 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng);
- Hóa đơn tiền điện tháng 11/2018: 2.283.252 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi hai đồng);
- Hóa đơn tiền điện tháng 12/2018: 578.521 đồng (Năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Căn cứ điểm 4 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện thì công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định. Công ty P nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ tiền điện và thực hiện tạm ngưng cung cấp điện tại địa chỉ sử dụng điện nhưng công ty V vẫn không toán số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty V phải thanh toán số tiền điện còn nợ tính đến ngày 13/12/2018 là 6.818.693 đồng (Sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với người đại diện theo pháp luật của công ty V ông Hồ Sơn K là bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của công ty V ông Hồ Sơn K là bị đơn đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tổng công ty M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V – Tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại L thanh toán số tiền điện còn nợ; bị đơn có địa chỉ trụ sở chính của công ty tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện theo pháp luật của công ty V ông Hồ Sơn K là bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện cho mục đích: Sản xuất sản phẩm cơ khí số 17/004303; mã khách hàng: PE15000330273/19KA475-1 ngày 15/11/2017 có nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại năm 2005; Điều 22 Luật Điện lực năm 2004. Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Nguyên đơn Tổng công ty M – Công ty P yêu cầu bị đơn công ty V thanh toán số tiền điện còn nợ là 6.818.693 đồng (Sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng). Căn cứ Hợp đồng mua bán điện cho mục đích: Sản xuất sản phẩm cơ khí số 17/004303; mã khách hàng: PE15000330273/19KA475-1 ngày 15/11/2017 thể hiện công ty điện lực bán điện cho công ty V với thời hạn 05 năm kể từ ngày 15/11/2017; mục đích sử dụng: sản xuất sản phẩm cơ khí; với giá điện (chưa có thuế VAT), cụ thể như sau:

- Giờ bình thường: 1.518 đồng/kWh
- Giờ cao điểm: 2.735 đồng/kWh
- Giờ thấp điểm: 983 đồng/kWh

Căn cứ các Giấy báo tiền điện tháng 10/2018: 3.956.920 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng); tháng 11/2018: 2.283.252 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi hai đồng) và tháng 12/2018: 578.521 đồng (Năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn công ty V còn nợ tiền điện với số tiền tổng cộng là 6.818.693 đồng (Sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng) là có cơ sở. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của hợp đồng mua bán điện ngày 15/11/2017 và khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2004; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền điện còn nợ là 6.818.693 đồng (Sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005;

Điều 22 của Luật Điện lực năm 2004;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V – Tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại L (Mã số doanh nghiệp: 0314638499) có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty M số tiền điện còn nợ tính đến ngày 13/12/2018 là 6.818.693 đồng

(Sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các bên thi hành tại cơ quan chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn trả lại cho Tổng Công ty M số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0025245 ngày 04/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương